

Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so  
sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt ( so  
sánh thang độ ) : Luận án TS / Lưu Quý

Khương ; Nghd. : GS.TS. Hoàng Trọng Phiến . -

H. : ĐHKHXHNV, 2003 . - 221 tr.

Tóm tắt: Xác lập khái niệm so sánh và các quan hệ so sánh trong cấu trúc tiếng Anh và tiếng Việt. Khảo sát miêu tả, phân loại, mô hình hoá, thống kê tần số xuất hiện của các cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt. Từ đó chỉ ra những tương đồng và dị biệt giữa các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh của hai ngôn ngữ, rút ra những nhận xét khái quát và lý giải nguyên nhân dẫn đến những điểm dị đồng giữa hai ngôn ngữ về cách biểu hiện ý nghĩa so sánh

## MỤC LỤC

|                                                                        | <i>Trang</i> |
|------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>                                                          | 1            |
| 1. Tính vấn đề và ý nghĩa của luận án                                  | 1            |
| 1.1. Tính vấn đề của luận án                                           | 1            |
| 1.2. Ý nghĩa của luận án                                               | 3            |
| 1.2.1. Ý nghĩa lý luận                                                 | 3            |
| 1.2.2. Ý nghĩa thực tiễn                                               | 3            |
| 2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu                                           | 4            |
| 3. Mục đích của luận án                                                | 6            |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu                                     | 6            |
| 5. Phương pháp nghiên cứu                                              | 8            |
| 6. Cái mới của luận án                                                 | 9            |
| 7. Bố cục của luận án                                                  | 10           |
|                                                                        | 11           |
| <b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN</b>                             |              |
| <b>1.1. Nhận thức về so sánh</b>                                       | 11           |
| 1.1.1. So sánh theo quan niệm của triết học                            | 11           |
| 1.1.2. So sánh theo quan niệm của ngôn ngữ học                         | 12           |
| 1.1.2.1. So sánh theo quan niệm của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới | 12           |
| 1.1.2.2. So sánh theo quan niệm của các nhà Việt ngữ học               | 13           |
| 1.1.2.3. Quan niệm của luận án về so sánh                              | 14           |
| 1.1.3. Những mối quan hệ so sánh ( <i>comparative relations</i> )      | 18           |
| <b>1.2. Phương thức ngữ pháp biểu hiện ý nghĩa so sánh</b>             | 20           |

|                                                                                                |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.2.1. Định nghĩa phương thức ngữ pháp                                                         | 20 |
| 1.2.2. Các phương thức ngữ pháp biểu hiện ý nghĩa so sánh                                      | 21 |
| 1.2.2.1. Phương thức phụ tố (phụ gia) (affixation)                                             | 21 |
| 1.2.2.2. Phương thức thay chính tố (suppletion)                                                | 22 |
| 1.2.2.3. Phương thức hư từ (synsemantic words)                                                 | 22 |
| <b>1.3. Lý thuyết thang độ và cấu trúc so sánh</b>                                             | 22 |
| 1.3.1. Khái niệm về thang độ                                                                   | 22 |
| 1.3.2. Thang độ và cấu trúc so sánh                                                            | 24 |
| 1.3.2.1. Tính từ có thang độ và tính từ không thang độ                                         | 24 |
| 1.3.2.2. Tính cam kết (committedness) trong cấu trúc so sánh của cặp từ trái nghĩa có thang độ | 27 |
| <b>1.4. Phân loại cấu trúc so sánh</b>                                                         | 28 |
| 1.4.1. Mô hình tổng quát của cấu trúc so sánh trong tiếng Anh                                  | 29 |
| 1.4.2. Mô hình tổng quát cấu trúc so sánh trong tiếng Việt                                     | 31 |
| 1.4.3. Phân loại cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh                                            | 33 |
| <b>1.5. Tiểu kết</b>                                                                           | 38 |
|                                                                                                | 40 |

## **CHƯƠNG 2: CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN Ý NGHĨA SO SÁNH NGANG BẰNG TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT**

|                                                                                           |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>2.1. Tổng quan về cấu trúc so sánh ngang bằng</b>                                      | 40 |
| 2.1.1. Nhận thức về so sánh ngang bằng                                                    | 40 |
| 2.1.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tiếng Việt | 41 |
| 2.1.2.1. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh             | 41 |
| 2.1.2.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng                             | 42 |

|                                                                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| trong tiếng Việt                                                                                                                   |    |
| 2.1.3. Cấu trúc so sánh ngang bằng (comparison of equality)                                                                        | 43 |
| 2.1.3.1. Nhận thức về cấu trúc so sánh ngang bằng                                                                                  | 43 |
| 2.1.3.2. Phân biệt so sánh logic và so sánh tu từ học                                                                              | 43 |
| 2.1.4. Phân loại cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tiếng Việt                                       | 49 |
| 2.1.4.1. Phân loại cấu trúc so sánh ngang bằng trong tiếng Anh                                                                     | 49 |
| 2.1.4.2. Phân loại cấu trúc so sánh ngang bằng trong tiếng Việt                                                                    | 51 |
| <b>2.2. Các cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tương đương tiếng Việt</b>                            | 55 |
| 2.2.1. Cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng có thang độ với cặp từ "as ... as ..."                                        | 55 |
| 2.2.1.1. Cấu trúc so sánh ngang bằng với cặp từ "as ... as ..."                                                                    | 55 |
| 2.2.1.2. Một số cấu trúc chứa "as ... as ..." có tính thành ngữ                                                                    | 60 |
| <b>2.3. Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng không có thang độ trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt</b> | 67 |
| 2.3.1. Cấu trúc với "as"                                                                                                           | 67 |
| 2.3.2. Cấu trúc với "As if/ As though" và tương đương trong tiếng Việt                                                             | 71 |
| 2.3.3. Cấu trúc so sánh ngang bằng không có thang độ với "like" và tương đương trong tiếng Việt                                    | 76 |
| 2.3.4. Cấu trúc so sánh ngang bằng không có thang độ với "same" và tương đương trong tiếng Việt                                    | 87 |
| 2.3.5. Cấu trúc so sánh không thang độ với động từ "to be"                                                                         | 90 |
| <b>2.4. Tiểu kết</b>                                                                                                               | 93 |

|                                                                                                                |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN Ý NGHĨA SO SÁNH HƠN/ KÉM TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT</b>              | 95  |
| <b>3.1. Tổng quan về cấu trúc so sánh hơn/ kém (comparative comparison)</b>                                    | 95  |
| 3.1.1. Nhận thức về so sánh hơn/ kém và cấu trúc so sánh hơn kém                                               | 95  |
| 3.1.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn/ kém trong tiếng Anh và tiếng Việt                        | 96  |
| 3.1.2.1. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn/ kém trong tiếng Anh                                    | 96  |
| 3.1.2.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn/ kém trong tiếng Việt                                   | 97  |
| <b>3.2. Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn/ kém trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt</b> | 98  |
| 3.2.1. Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt           | 98  |
| 3.2.1.1. Cấu trúc so sánh hơn với "more ... than" và tương đương trong tiếng Việt                              | 98  |
| 3.2.1.2. Cấu trúc so sánh hơn với "-er than ..." và tương đương trong tiếng Việt                               | 114 |
| 3.2.1.3. Cấu trúc so sánh hơn với "prefer" và tương đương trong tiếng Việt                                     | 120 |
| 3.2.1.4. Cấu trúc so sánh hơn với "rather" và tương đương trong tiếng Việt                                     | 122 |
| 3.2.2. Cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh kém trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt                  | 128 |

|                                                                                                                                     |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3.2.3. Một số cấu trúc so sánh hơn/ kém đặc biệt                                                                                    | 136 |
| 3.2.3.1. So sánh không theo qui tắc ( <i>irregular comparison</i> )                                                                 | 136 |
| 3.2.3.2. Cấu trúc so sánh hơn/ kém với tính từ có nguồn gốc từ tiếng La tinh                                                        | 138 |
| 3.2.3.3. Cấu trúc so sánh tương liên ( <i>correlative comparative construction</i> ) " <i>the comparative ... the comparative</i> " | 139 |
| 3.2.3.4. Cấu trúc so sánh kép ( <i>double comparative construction</i> ) " <i>comparative and comparative</i> "                     | 145 |
| <b>3.3. Tiểu kết</b>                                                                                                                | 147 |
|                                                                                                                                     | 149 |

#### **CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN Ý NGHĨA SO SÁNH BẬC NHẤT VÀ SO SÁNH KHÁC BIỆT TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT**

|                                                                                                                |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>4.1. Tổng quan về cấu trúc so sánh bậc nhất (<i>superlative comparison</i>)</b>                             | 149 |
| 4.1.1. Nhận thức về so sánh bậc nhất và cấu trúc so sánh bậc nhất                                              | 149 |
| 4.1.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh bậc nhất trong tiếng Anh và tiếng Việt                        | 152 |
| 4.1.2.1. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh bậc nhất trong tiếng Anh                                    | 152 |
| 4.1.2.2. Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh bậc nhất trong tiếng Việt                                   | 152 |
| <b>4.2. Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh bậc nhất trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt</b> | 154 |
| 4.2.1. Cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh hơn nhất trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt.            | 154 |
| 4.2.1.1. Cấu trúc so sánh hơn nhất với " <i>most</i> " và tương đương                                          | 154 |

|                                                                                                                 |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>trong tiếng Việt</i>                                                                                         |     |
| 4.2.1.2. <i>Cấu trúc so sánh hơn nhất với hậu tố "-est" và tương đương trong tiếng Việt</i>                     | 164 |
| 4.2.2. <i>Cấu trúc biểu đạt ý nghĩa so sánh kém nhất trong tiếng Anh và tiếng Việt</i>                          | 167 |
| 4.2.3. <i>Một số cấu trúc so sánh nhất biến đổi không qui tắc (irregular superlative comparison)</i>            | 172 |
| <b>4.3. Tổng quan về cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh khác biệt (comparison of differences)</b>               | 176 |
| 4.3.1. <i>Nhận thức về ý nghĩa so sánh khác biệt và cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh khác biệt</i>            | 176 |
| 4.3.2. <i>Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh khác biệt trong tiếng Anh</i>                               | 178 |
| 4.3.3. <i>Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh khác biệt trong tiếng Việt</i>                              | 178 |
| <b>4.4. Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh khác biệt trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt</b> | 180 |
| 4.4.1. <i>Cấu trúc so sánh khác biệt với "different" và tương đương trong tiếng Việt</i>                        | 180 |
| 4.4.2. <i>Cấu trúc so sánh khác biệt với "other" và tương đương trong tiếng Việt</i>                            | 185 |
| 4.4.3. <i>Cấu trúc so sánh khác biệt với "Else" và tương đương trong tiếng Việt</i>                             | 188 |
| <b>4.5. Tiểu kết</b>                                                                                            | 191 |

|                                                                      |     |
|----------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>KẾT LUẬN</b>                                                      | 193 |
| <b>DANH MỤC CÁC CỄNG TRỀNH ĐÃ CỄNG BÓ CỄ LIẤN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>   | 197 |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TƯ LIỆU ĐỀ DẪN CHỨNG VÀ THỐNG KẾ TÀN SỐ</b> | 198 |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                       | 217 |